

## **Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 09 năm 2017

Trang 1

ô tô trường hải

ô tô trường hải



# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2-3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hùng Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 30/06/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>34.782.747.912</b>	<b>35.957.298.765</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>559.842.720</b>	<b>891.081.748</b>
1. Tiền	111	556.442.720	888.081.748
2. Các khoản tương đương tiền	112	3.400.000	3.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>506.300.108</b>	<b>504.800.108</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	300.322.358	300.322.358
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	205.977.750	204.477.750
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6.178.368.148</b>	<b>6.670.255.634</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.730.755.707	1.951.123.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.226.809.649	3.707.373.353
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	103.064.848	98.871.171
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.135.267.231	930.858.354
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(20.230.694)	(20.232.737)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.701.407	2.261.890
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>26.565.211.298</b>	<b>26.979.110.115</b>
1. Hàng tồn kho	141	26.938.684.809	27.376.145.422
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(373.473.512)	(397.035.307)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>973.025.638</b>	<b>912.051.160</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	146.730.651	208.991.273
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	757.642.881	658.599.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	68.652.105	44.460.036
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>20.777.212.378</b>	<b>20.160.783.145</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>124.592.640</b>	<b>124.784.410</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	15.977.949	16.497.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	108.789.691	108.461.461
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(175.000)	(175.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>8.202.776.470</b>	<b>8.119.654.788</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.942.895.671	3.964.878.965
- Nguyên giá	222	7.227.000.377	7.054.627.408
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3.284.104.706)	(3.089.748.442)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.259.880.798	4.154.775.822
- Nguyên giá	228	4.406.095.505	4.286.867.053
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(146.214.707)	(132.091.231)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>380.894.371</b>	<b>382.840.220</b>
- Nguyên giá	231	389.169.647	389.169.647
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(8.275.276)	(6.329.428)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>6.536.974.341</b>	<b>5.811.412.235</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.536.974.341	5.811.412.235
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>27.217.810</b>	<b>27.217.810</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.697.810	6.697.810
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(41.980.369)	(41.980.369)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.504.756.746</b>	<b>5.694.873.684</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	424.945.034	462.532.628
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	28.259.643	30.051.888
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>5.051.552.069</b>	<b>5.202.289.168</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>55.559.960.290</b>	<b>56.118.081.910</b>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngân VND

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 30/06/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>30.617.631.172</b>	<b>31.919.966.419</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>27.559.831.529</b>	<b>28.927.580.833</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.915.613.204	6.655.235.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.319.357.576	4.536.386.990
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	642.948.804	694.976.924
4. Phải trả người lao động	314	66.996.205	41.789.652
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	453.378.070	527.776.947
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	2.818.617	5.436.930
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	337.053.617	175.575.287
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15.754.760.140	16.209.295.519
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	58.843.974	73.045.656
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.061.322	8.061.322
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>3.057.799.644</b>	<b>2.992.385.586</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	13.440.832	10.837.986
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.675.271.938	2.613.103.500
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	350.273.700	350.273.700
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18.813.174	18.170.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>24.942.329.118</b>	<b>24.198.115.491</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24.942.329.118</b>	<b>24.198.115.491</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.145.000.000	4.145.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.145.000.000	4.145.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.998.618.837	2.998.618.837
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	15.799.800	15.799.800
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(6.840.000)	(6.840.000)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	874.322	946.666
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.031.944.557	16.295.574.636
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	13.734.700.125	13.734.868.837
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3.297.244.432	2.560.705.799
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	756.931.602	749.015.551
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>55.559.960.290</b>	<b>56.118.081.910</b>

Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh  
Tổng giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngân VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III.2017	Quý III.2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>9.608.265.797</b>	<b>14.145.934.161</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	12.744.978	44.776.614
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>9.595.520.819</b>	<b>14.101.157.547</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	8.063.467.203	11.519.229.745
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>1.532.053.616</b>	<b>2.581.927.802</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	160.147.643	39.624.998
7. Chi phí tài chính	22	216.588.576	243.366.347
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	134.590.710	129.424.653
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	387.151.380	463.498.462
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	422.749.799	225.334.783
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>665.711.504</b>	<b>1.689.353.208</b>
12. Thu nhập khác	31	128.941.281	66.865.262
13. Chi phí khác	32	9.868.313	24.123.160
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>119.072.969</b>	<b>42.742.102</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>784.784.473</b>	<b>1.732.095.310</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47.742.342	99.500.292
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.792.245	3.063.103
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>735.249.886</b>	<b>1.629.531.915</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</b>	<b>61</b>	<b>736.538.632</b>	<b>1.609.139.622</b>
<b>20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>62</b>	<b>(1.288.747)</b>	<b>20.392.293</b>
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>1.778</b>	<b>3.884</b>

  
Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

  
Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hùng Minh  
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

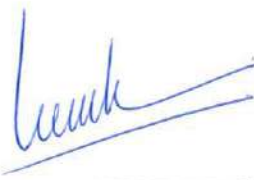
Ngàn VND

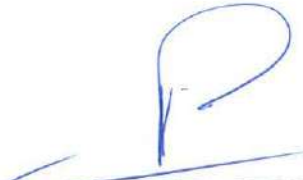
Chỉ tiêu	Mã số	Quý III.2017	Quý III.2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>784.784.473</b>	<b>1.732.095.310</b>
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	366.852.739	199.763.005
- Các khoản dự phòng	03	(37.789.573)	1.350.685
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(7.764.587)	25.092.417
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(20.949.415)	(7.592.731)
- Chi phí lãi vay	06	134.087.059	129.424.653
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.219.220.697</b>	<b>2.080.133.339</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	401.361.526	270.497.023
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	389.361.122	(802.708.498)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(1.050.000.998)	612.462.048
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	98.791.449	80.292.148
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(134.491.435)	(120.259.219)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(111.133.960)	(109.918.419)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	160.617.567	(72.859)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(39.244.328)	(49.838)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>934.481.639</b>	<b>2.010.375.725</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(782.049.340)	(689.323.712)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.500	7.511.138
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.847.201)	(88.297)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	11.025.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	802.251	515.736

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý III.2017	Quý III.2016
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(787.092.790)</b>	<b>(670.360.136)</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.869.092.024	11.126.601.994
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.347.239.533)	(12.433.619.726)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(364.399)	(12.781.694)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(478.511.908)</b>	<b>(1.319.799.426)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(331.123.059)</b>	<b>20.216.163</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>891.081.748</b>	<b>682.422.541</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(115.968)	1.762.542
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>559.842.720</b>	<b>704.401.246</b>

  
Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

  
Nguyễn Hoàng Phi  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hùng Minh  
Tổng giám đốc



Ngày 20 tháng 10 năm 2017